

BÁO CÁO NHANH
Tình hình sản xuất nông nghiệp
(Đến ngày 17 tháng 01 năm 2023)

1. Kết quả sản xuất chủ yếu

a) Sản xuất lúa

STT	Địa phương	Vụ Đông Xuân 2022-2023				Vụ Mùa 2022-2023			
		Kế hoạch (ha)	DT gieo sạ (ha)	Thu hoạch		Kế hoạch (ha)	DT gieo sạ (ha)	Thu hoạch	
				DT (ha)	NS (tấn/ha)			DT (ha)	NS (tấn/ha)
01	Tp. Hà Tiên					600	589		
02	Giang Thành	29.100	29.100	2.000	6,60	200	186	186	5,07
03	Kiên Lương	23.500	23.000						
04	Hòn Đất	79.500	79.978						
05	Tp. Rạch Giá	5.488	5.488	113	6,50				
06	Châu Thành	19.100	19.063	500	5,40				
07	Tân Hiệp	36.662	36.598						
08	Giồng Riềng	46.600	46.659						
09	Gò Quao	25.200	25.148			1.550	1.549	859	6,22
10	An Biên	5.600	6.020	3.377	5,90	20.000	20.027	20.026	5,57
11	An Minh					23.500	25.580	25.580	4,95
12	Vĩnh Thuận	3.800	3.354	3.154	5,60	14.000	13.133	13.133	5,40
13	UM.Thượng	6.450	6.358	2.953	5,65	8.600	7.436	6.771	5,60
Tổng cộng		281.000	280.761	11.484	5,88	68.450	68.500	66.555	5,31

b) Sản xuất vụ nuôi tôm nước lợ năm 2023

STT	Địa phương	Kế hoạch (ha)	Diện tích (ha)				Sản lượng thu hoạch (tấn)
			Tổng số	Trong đó			
				Nuôi CN	Tôm lúa	Tôm QCCT	
01	Tp. Hà Tiên	2.460	315	5		310	
02	Kiên Lương	8.050	370	50		320	
03	Giang Thành	3.400	505	5		500	
04	Hòn Đất	6.350	150			150	
05	An Biên	25.500	1.750		1.500	250	
06	An Minh	47.800	5.000		3.000	2.000	
07	Vĩnh Thuận	30.370	4.000		4.000		
08	UM Thượng	9.300	500		500		
09	Gò Quao	4.200	70		50	20	
Tổng cộng		137.430	12.660	60	9.050	3.550	

2. Tình hình chung

- **Vụ Mùa 2022-2023:** Diện tích gieo trồng được 68.500 ha/68.450 ha, đạt 100,07% kế hoạch. Đến nay, đã thu hoạch được 66.555 ha, đạt 97,16% diện tích gieo trồng, năng suất bình quân ước đạt 5,31 tấn/ha, sản lượng 353.288 tấn.

- **Vụ Đông Xuân 2022-2023:** Diện tích gieo trồng được 280.761 ha/281.000 ha, đạt 99,91% kế hoạch. Thu hoạch được 11.484 ha, năng suất bình quân ước đạt 5,88 tấn/ha, sản lượng 67.471 tấn.

- **Vụ nuôi tôm nước lợ năm 2023:** Đến nay, đã thả nuôi được 12.660 ha/137.430 ha, đạt 9,21% kế hoạch. Trong đó, diện tích nuôi tôm công nghiệp 60 ha; nuôi tôm quảng canh-quảng canh cải tiến 3.550 ha và nuôi tôm - lúa 9.050 ha.

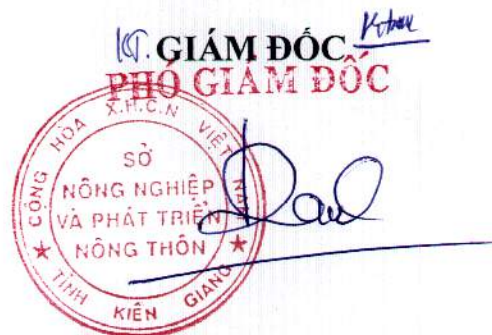
3. Tình hình sinh vật gây hại trên lúa: Tổng diện tích nhiễm sâu, bệnh trên lúa Đông Xuân 2022 - 2023 là 7.549 ha (*giảm 380 ha so với tuần trước*). Các đối tượng dịch hại bao gồm: Bệnh đạo ôn lá diện tích nhiễm 5.537 ha (*tăng 849 ha so với tuần trước*); Bệnh lem lép hạt diện tích nhiễm là 524 ha (*giảm 387 ha so với tuần trước*); Bệnh cháy bìa lá diện tích nhiễm là 811 ha (*tăng 43 ha so với tuần trước*). Ngoài ra các đối tượng gây hại như: Sâu cuốn lá, rầy nâu, chuột, sâu đục thân, rầy phân trắng, muỗi hành, OBV,... xuất hiện và gây hại ở mức rải rác đến nhẹ, không ảnh hưởng đến sinh trưởng cây lúa.

4. Thông tin thị trường

- | | | |
|-----------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|
| - Lúa thường (tươi): 6.400-6.500đ | - Heo hơi: 52.000đ-55.000 đ | - Urê: 15.000-15.400đ |
| - Lúa CLC (tươi): 6.800-7.000đ | - Tôm sú (30c/kg): 190.000đ-195.000đ | - NPK (16-16-8): 22.800đ |
| - Gạo thường: 11.500đ-12.500đ | - Tôm thẻ (100c/kg): 90.000đ-95.000đ | - NPK (20-20-15): 24.600đ |
| - Gạo CLC: 15.000đ-16.000đ | - Cá bớp: 190.000-200.000đ | - KCL: 18.200 đ - DAP: 29.200đ |

Nơi nhận:

- Cục trồng trọt (I+II), Vụ nuôi trồng TS;
- TT Tin học & Thống kê (Bộ NN);
- VP.TU, VP.UBND tỉnh;
- Cục Thống kê, Sở KH-ĐT, Sở Công Thương;
- BGĐ Sở;
- Phòng NN & PTNT, Kinh tế các huyện, Tp;
- Website Sở;
- Lưu: VT, KH-TC, hngoc.



Trần Công Danh